

Bản án số: 16/2018/DS-ST

Ngày: 24-4-2018

V/v “T/c Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L-TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Nguyên

Cán bộ phường UBND phường T – thành phố L

2. Ông Đặng Hữu Tấn

Cán bộ hưu trí xã H – thành phố L

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L.

- Đại diện Viện kiểm sát viên nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Hữu – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2018 tại Tòa án nhân dân thành phố L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 243/2017/TLST-DS ngày 08 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2018/QĐXX-ST ngày 13 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2018/QĐST-DS ngày 30 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Huỳnh Ngọc T**, sinh năm 1959.

Bà **Phó Thị Kim N**, sinh năm 1969.

Địa chỉ: số 102, ấp 1, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông Nguyễn Thanh P, sinh năm 1992 (Theo văn bản ủy quyền ngày 08/9/2017) – có mặt

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Thành D**, sinh năm 1971. (vắng mặt)

Bà **Nguyễn Thị Thanh T**, sinh năm 1973. (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 11, Dự Định 6, khóm 4, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 12/9/2017 cùng lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn ông Nguyễn Thanh P trình bày:

Ngày 01/11/2013, ông Nguyễn Thành D, Nguyễn Thị Thanh T thỏa thuận vay của ông Huỳnh Ngọc T, bà Phó Thị Kim Ng số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) để bổ sung vốn kinh doanh nhà máy gạch, lãi thỏa thuận trả hàng tháng vào ngày 01 tây, toàn bộ vốn gốc sẽ trả trước ngày 01/11/2015 nhưng ông D, bà T không thực hiện như cam kết. Ông T, bà N đã điện thoại yêu cầu trả nợ nhưng ông D, bà T cố tình né tránh, không gặp mặt nên ông T, bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông D, bà T phải có trách nhiệm liên đới trả số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng), không yêu cầu tính lãi phát sinh.

* Bị đơn ông Nguyễn Thành D, bà Nguyễn Thị Thanh T vắng mặt suốt trong quá trình tố tụng và lần thứ hai tại phiên tòa, không gửi văn bản trình bày ý kiến cũng như cung cấp chứng cứ chứng minh, không phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

* Đại diện nguyên đơn ông Nguyễn Thanh P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc ông D, bà T phải có trách nhiệm liên đới trả số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Ông T, bà N và ông D, T có quan hệ vay mượn tiền với nhau thể hiện tại Biên nhận nợ ngày 01/11/2013 ông T, bà N cho ông D, bà T vay 200.000.000 đồng, lãi suất 4%/tháng, thỏa thuận trả lại tiền vốn gốc cho ông T, bà N trước ngày 01/11/2015. Tuy nhiên, đến hạn trả nợ, ông D, bà T không trả vốn và lãi theo thỏa thuận cho ông T, bà N nên ông T, bà N khởi kiện đòi lại số tiền đã cho ông D, bà T vay là 200.000.000 đồng. Xét thấy, đây là Hợp

đồng vay tài sản có kỳ hạn, có lãi, phía ông D, bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông T, bà N yêu cầu ông D, bà T có nghĩa vụ trả 200.000.000 đồng là có căn cứ và đúng theo quy định tại Điều 256, Điều 471, 474 Bộ luật Dân sự năm 2005.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tranh chấp giữa ông Huỳnh Ngọc T, bà Phó Thị Kim N với ông Nguyễn Thành D, bà Nguyễn Thị Thanh T là tranh chấp hợp đồng dân sự (Hợp đồng vay tài sản), tranh chấp thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Ông Huỳnh Ngọc T, bà Phó Thị Kim N là nguyên đơn trong vụ án, khởi kiện và xác định ông Nguyễn Thành D, bà Nguyễn Thị T Thúy là bị đơn, phù hợp theo quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Nguyên đơn ông Huỳnh Ngọc T, bà Phó Thị Kim N ký văn bản ủy quyền cho ông Nguyễn Thanh P tham gia tố tụng tại Tòa án. Căn cứ vào Điều 85, Điều 86 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận ông P tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn và được thực hiện các quyền, nghĩa vụ tố tụng dân sự theo nội dung văn bản ủy quyền.

Bị đơn ông Nguyễn Thành D, bà Nguyễn Thị Thanh T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nhưng Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho ông D, bà T hợp lệ. Ngoài ra, tại biên bản xác minh tình trạng cư trú ngày 09/3/2018 được Công an phường M, thành phố L xác nhận: “Ông D, bà T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 11, đường Dự Định 6, khóm 4, phường M, thành phố L, hiện không thường xuyên sinh sống tại địa phương” nhưng ông D, bà T không thông báo cho phía nguyên đơn biết là cố tình trốn tránh nghĩa vụ.

Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6 nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Nguyễn Thành D, bà Nguyễn Thị Thanh T.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Giữa nguyên đơn và bị đơn có xác lập giao dịch dân sự trước ngày Bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực nhưng nội dung và hình thức giao dịch trên phù hợp với quy định của Bộ luật này. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015 để giải quyết vụ án.

[3] Về nội dung tranh chấp:

Theo đại diện nguyên đơn, vào ngày 01/11/2013 bị đơn có thỏa thuận vay của nguyên đơn số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng), lãi suất thỏa thuận, mục đích vay để bổ sung vốn kinh doanh, thời gian trả nợ thỏa thuận trước ngày 01/11/2015 nhưng bị đơn không thực hiện nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải trả số tiền nêu trên, không yêu cầu tính lãi.

Xét thấy, giữa nguyên đơn và bị đơn có xác lập giấy nhận nợ bằng văn bản phù hợp với Điều 463 Bộ luật dân sự 2015; giấy nhận nợ ghi rõ họ tên người cho vay là Huỳnh Ngọc T, Phó Thị Kim N, người ký vay là Nguyễn Thành D, Nguyễn Thị Thanh T, ghi rõ số tiền vay nhưng không ghi lãi và thời gian trả nợ cụ thể, mục đích vay để kinh doanh nên xác định đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi được quy định tại các Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự 2015.

Nguyên đơn khởi kiện cho rằng phía bị đơn không trả vốn lãi như cam kết, vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 01/11/2015 đến nay nhưng phía bị đơn không thể hiện ý kiến phản đối bằng văn bản là cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ cũng như không giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ chứng minh đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở và phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Ngọc T, bà Phó Thị Kim N được Tòa án chấp nhận nên nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn Nguyễn Thành D, Nguyễn Thị Thanh T phải có trách nhiệm liên đới nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

*** Căn cứ vào:**

Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản Điều 39; Điều 68; Điều 85, Điều 86; khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 470; Điều 562 Bộ luật dân sự 2015;

Điều 2; Điều 6; Điều 7; Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án dân sự;

Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Tòa án nhân dân Tối cao.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và án phí Tòa án.

Xử vắng mặt ông Nguyễn Thành D, bà Nguyễn Thị Thanh T

Xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Ngọc T, bà Phó Thị Kim N đối với bị đơn ông Nguyễn Thành D, bà Nguyễn Thị Thanh T.

Buộc ông Nguyễn Thành D, bà Nguyễn Thị Thanh T có trách nhiệm liên đới trả cho ông Huỳnh Ngọc T, bà Phó Thị Kim N số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu bên phải thi hành án chưa thanh toán số tiền nêu trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Thành D, bà Nguyễn Thị Thanh T phải có trách nhiệm liên đới nộp 10.000.000đ (mười triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho ông Huỳnh Ngọc T, bà Phó Thị Kim N số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003639 ngày 07/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

[3] Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Đã giải thích Điều 26 Luật thi hành án dân sự)

Nơi nhận:

- Các đương sự
- THA TPLX;
- VKS TPLX
- TAND tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ + VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quốc Nam